

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/HNGĐ -PT

Ngày 26/8/2019

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các thẩm phán:

Ông Ong Thân Thắng

Ông Nguyễn Gia Lương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 26/8/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2019/TLPT-HNGĐ ngày 29/7/2019 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 26/2019/HNGĐ-ST ngày 19/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Y bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2019/QĐ-PT ngày 01/8/2019 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Chị Mai Thị Thanh N, sinh năm 1990 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị đơn:* Anh Lê Quang T, sinh năm 1987 (Có mặt)

Địa chỉ: Phố G, thị trấn B, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

-*Người kháng cáo:* Bị đơn anh Lê Quang T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn là chị Mai Thị Thanh N trình bày:

Trước khi kết hôn vợ chồng chị được tự do tìm hiểu, thỏa thuận kết hôn trên cơ sở tự nguyện hợp pháp và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B

năm 2018. Thời kỳ đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh đến khi có bầu thì phát sinh mâu thuẫn và sau sinh con thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng dẫn đến việc chị làm đơn xin ly hôn với anh T là do tính tình vợ chồng không hiểu nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng trong quan điểm sống cũng như trong sinh hoạt hàng ngày dẫn đến xô xát, đến tháng 4 năm 2019 thì về nhà ngoại ở từ đó đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nữa nên thiết tha đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có con chung là Lê Quang Đ, sinh ngày 07/12/2018 hiện đang ở với anh T, nay chị xin được nuôi con không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác chung vợ chồng chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo bị đơn anh Lê Quang T trình bày:

Anh kết hôn cùng chị N năm 2018 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân; sau khi kết hôn vợ chồng ở với nhau ngay, vợ chồng chung sống luôn hạnh phúc, anh hoàn thành nghĩa vụ của người chồng đối với vợ; đến khi vợ anh sinh con đầu lòng thì phát sinh những vấn đề không hiểu nhau giữa hai vợ chồng. Ngày 01/2/2019 (âm lịch) chị N về nhà mẹ đẻ ở từ đó đến nay, nay anh muốn vợ chồng về đoàn tụ để nuôi dạy con.

Vợ chồng có một con chung là Lê Quang Đ, sinh ngày 07/12/2018, hiện đang ở với anh, nếu phải ly hôn thì anh có nguyện vọng xin được nuôi con; không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa sơ thẩm: chị N và anh T thống nhất thuận tình ly hôn; Về con chung không thống nhất được.

Với nội dung trên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 26/2019/HNGĐ-ST ngày 19/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Y đã áp dụng Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Mai Thị Thanh N và anh Lê Quang T.

Về con chung: Giao con chung là Lê Quang Đ, sinh ngày 07/12/2018 cho chị N chăm sóc nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở

Án phí: Chị Mai Thị Thanh N phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số

AA/2014/0004362 ngày 19/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 02/7/2019 anh Lê Quang T kháng cáo bản án nói trên, ngày 03/7/2019 anh T nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, anh T kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm về phần giải quyết nuôi con chung. Lý do chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ hơn bốn tháng không hề quan tâm đến con chung, không đi làm, không có thu nhập ổn định, không có nhà riêng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn chị Mai Thị Thanh N không rút đơn khởi kiện, anh Lê Quang T không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Anh Lê Quang T trình bày: Anh kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm giao con chung cho chị N nuôi. Với lý do, hiện tại chị N đã hết thời gian nghỉ thai sản nhưng không đi làm, chưa khi nào đưa con đi tiêm, không chăm sóc con, con bị ốm anh thông báo cũng không về thăm con, trong thời gian 5 tháng nay con ở với anh vẫn phát triển bình thường, Bố mẹ chị N không muốn chị N nuôi con, không có tình yêu thương đối với cháu, nếu chị N đi làm không ai chăm sóc con. Hiện tại anh đang làm tại Công ty cổ phần Casablanca, huyện L, thu nhập 13.500.000 đồng/tháng, công việc hành chính nên có thời gian chăm con, trong thời gian anh đi làm bố mẹ anh trông con cho anh. Đề nghị Tòa xem xét kháng cáo của anh. Giao con chung cho anh trực tiếp nuôi. Nếu được nuôi con anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Mai Thị Thanh N trình bày: Chị không đồng ý kháng cáo của anh T, anh T trình bày không đúng sự thật, sau khi chị sinh con chị có xin phép về nhà bố mẹ đẻ ở. Gia đình anh T lên bắt con về và không cho chị gặp con, chị có về thăm con nhưng gia đình bố mẹ anh T không cho vào, chị đã có đơn trình báo Hội liên hiệp phụ nữ huyện Y. Chị hiện nay làm ở Công ty May L, Bắc Giang thu nhập từ 7 triệu đến 8 triệu đồng/tháng. Hiện nay chị ở cùng bố mẹ chị và bố mẹ chị là cán bộ nghỉ hưu có thời gian trông con giúp chị. Chị đề nghị giao con cho chị nuôi chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đảm bảo đúng với quy định của pháp luật.

-Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đều có mặt tại phiên tòa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70, 71, 72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự

-Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Quang T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần giải quyết con chung. Anh T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị Thanh N kết hôn cùng anh Lê Quang T năm 2018 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B. Quá trình chung sống vợ chồng chung sống hoà thuận được một thời gian sau đó xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng ly thân từ tháng 4/2019 đến nay. Chị N xin ly hôn anh T, tại phiên tòa sơ thẩm chị N anh T thống nhất thuận tình ly hôn do đó bản án sơ thẩm công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Mai Thị Thanh N và anh Lê Quang T. Các đương sự không kháng cáo. Viện kiểm sát nhân dân không kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[2].Về con chung: Chị N, anh T có một con chung là Lê Quang Đ, sinh ngày 07/12/2018, Bản án sơ thẩm giao con chung là Lê Quang Đ, sinh ngày 07/12/2018 cho chị N chăm sóc nuôi dưỡng. Anh T kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm về giao con chung cho chị N nuôi dưỡng. Xét kháng cáo của anh Lê Quang T. Hội đồng xét xử thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm anh T trình bày: Chị N không có việc làm không có thu nhập, chưa khi nào đưa con đi tiêm, không chăm sóc con, con bị ốm anh thông báo cũng không về thăm con, không quan tâm đến con suốt mấy tháng nay từ khi về nhà bố mẹ đẻ ở, tuy nhiên anh T không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Tại đơn đề nghị ngày 10/4/2019 của chị N do Hội liên hiệp phụ nữ huyện Y chuyển đến Tòa án nhân dân huyện Y (Bút lục từ 39 đến 41), chị N trình bày thể hiện gia đình anh T sang nhà chị đón con khi chị về nhà bố mẹ chị, nhưng sau đó chị đến đón thì bố mẹ anh T không cho vào nhà, xin đón con ông, bà không cho đón; tại biên bản xác minh (bút lục 43) do ông Nguyễn Văn M, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện Y và ông Bùi Hà T, chức vụ: Trưởng phố G, thị trấn B cung cấp: ...“Địa phương cũng nghe nói chị N có yêu cầu anh T giao lại con chị nhưng không rõ vì lý do gì anh T không giao cháu Đạt cho chị N”. Như vậy, anh T trình bày chị N không thăm con, không quan tâm đến con là không có căn cứ.

Xét điều kiện nuôi con của chị N, anh T là như nhau: Chị N, anh T đều có việc làm, có thu nhập, ở cùng bố mẹ đẻ, thời gian đi làm con do bố, mẹ chăm sóc giúp. Hiện nay cháu Lê Quang Đ, sinh 07/12/2018 đến nay mới khoảng hơn 9 tháng tuổi đang trong thời gian bú sữa mẹ và cần sự chăm sóc của mẹ và tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp lợi ích của con”. Do vậy, Bản án sơ thẩm căn cứ vào điều kiện của các bên và căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình giao con chung là Lê Quang Đ, sinh ngày 07/12/2018 cho chị N chăm sóc nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Anh T không đưa ra được căn cứ

chứng minh chị N không đủ điều kiện nuôi con, chị N và anh T không có thỏa thuận giao con cháu Đ cho anh T nuôi dưỡng. Nên căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần giải quyết con chung. Giao con chung Lê Quang Đ, sinh ngày 07/12/2018 cho chị Mai Thị Thanh N trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Anh Lê Quang T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

[3].Về án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên bản sơ thẩm nên anh Lê Quang T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Quang T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần giải quyết con chung.

Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

-Về con chung: Giao con chung Lê Quang Đ, sinh ngày 07/12/2018 cho chị Mai Thị Thanh N trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Anh Lê Quang T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

- Về án phí: Anh Lê Quang T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2014/0004446 ngày 03/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Y;
- TAND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND thị trấn B, huyện Y
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

